

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ DIỄN LIÊN, HUYỆN DIỄN CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá tư điều chỉnh (đ/m ²)	
		Từ	Đến			
A	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẶT TÊN					
1	Đường huyện					
1	Đường ĐH 254 (xóm 1 đến xóm 9)	Đất gia đình bà Đặng Thị Huệ Xóm 1 (từ thửa đất số 399 tờ số 24)	Đất gia đình bà Đậu Thị Liên Xóm 9 (từ thửa đất số 03 tờ số 3)	2.500.000	5.000.000	
4	Đường xã					
1	Đường Đi Diễn Thập tuyến xóm 8	Từ nhà Ông Phạm Văn Luyến xóm 8 (từ Thửa đất 215 TBD 15) và nhà ông Võ Văn Vũ Xóm 8 (từ thửa 06 tờ bản đồ 18)	Nhà ông Hồ Đăng Chung xóm 8 (thửa đất số 255 tờ bản đồ 15) và nhà ông Võ Văn Nhân (thửa đất số 37, Tờ bản đồ 18)	1.000.000	2.500.000	
2	Đường đi Diễn Thập tuyến xóm 6	Từ nhà thờ giáo họ Yên Thịnh (từ thửa đất số 128 tờ bản đồ 19)	Nhà ông Chu Đức Sửu xóm 6 (thửa đất 163, TBD 19)	1.000.000	2.500.000	
3	Đường đi Diễn Xuân tuyến xóm 3	Nhà ông Thuyên (từ thửa đất 194 tờ bản đồ 22) và nhà bà Nguyễn Thị Nam (thửa số 6 tờ số 23)	Nhà ông Nam (từ thửa đất 200 tờ bản đồ 22) và nhà bà Nguyễn Thị Nam (thửa số 6 tờ số 23)	1.000.000	2.500.000	
B	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI TẠI CÁC XÓM					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá tư điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
1	Xóm 1				
1.1	Đường dân cư khu vực phía tây đường ĐH254 xóm 1	Nhà ông Võ Văn Du Xóm 1 (từ thửa đất 247 tờ bản đồ 24)	Cuối xóm 1 nhà ông Võ Văn phi (đến thửa số 409, tờ bản đồ số 24)	500.000	1.500.000
1.2	Đường dân cư khu vực phía đông đường ĐH254 xóm 1	Nhà ông Võ Văn Cường Xóm 1 (từ thửa đất 291 tờ bản đồ 24)	Cuối xóm 1 nhà Bà Ngô Thị Luyện (đến thửa số 402, tờ bản đồ số 24)	500.000	1.500.000
1,3	Đường dân cư khu vực phía đông xóm 1	Nhà ông Võ Hào Quang Xóm 1 (từ thửa đất 45 tờ bản đồ 25)	Cuối xóm 1 nhà Ông Võ Văn Nhung (đến thửa số 111, tờ bản đồ số 25)	500.000	1.500.000
2	Xóm 2				
2,1	Đường dân cư khu vực phía đông đường ĐH254 xóm 2	Nhà ông Võ Văn Tợ Xóm 2 (từ thửa đất 06 tờ bản đồ 24)	Cuối xóm 2 nhà ông Nguyễn Văn Hồng (đến thửa số 225, tờ bản đồ số 24)	500.000	1.500.000
2,2	Đường dân cư khu vực phía tây đường ĐH254 xóm 2	Nhà ông Võ Văn Hộ Xóm 2 (từ thửa đất 33 tờ bản đồ 24)	Cuối xóm 2 nhà Ông Vũ Đình Long (đến thửa số 289, tờ bản đồ số 24)	500.000	1.500.000
2,3	Đường dân cư khu vực phía đông xóm 2	Nhà ông Võ Thái Sinh Xóm 2 (từ thửa đất 04 tờ bản đồ 25)	Cuối xóm 2 nhà Ông Nguyễn Văn Đức (đến thửa số 48, tờ bản đồ số 25)	500.000	1.500.000
2,4	Đường dân cư khu vực phía đông đường ĐH254 xóm 2	Nhà ông Dương Văn Thao Xóm 2 (từ thửa đất 165 tờ bản đồ 23)	Cuối xóm 2 nhà ông Võ Văn Việt (đến thửa số 199, tờ bản đồ số 23)	500.000	1.500.000
2,5	Đường dân cư khu vực phía tây đường ĐH254 xóm 2	Nhà ông Nguyễn Văn Doãn Xóm 2 (từ thửa đất 178 tờ bản đồ 23)	Cuối xóm 2 nhà Ông Nguyễn Ngọc Thảo (đến thửa số 219, tờ bản đồ số 23)	500.000	1.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá tư điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
2,6	Khu quy hoạch chia lô đất ở đầu giá vùng Đất nông xóm 2				
	Đường QH10m	Lô số: 01 (thửa đất số 91 tờ số 24)	Lô số: 48 (Thửa cuối 185 tờ bản đồ 24)	500.000	1.500.000
3	Xóm 3				
3,1	Đường dân cư khu vực phía đông đường ĐH254	Nhà ông Dương Văn Bắc Xóm 3 (từ thửa đất 01 tờ bản đồ 23)	Cuối xóm 3 nhà ông Võ Ngọc Duyệt (đến thửa số 190, tờ bản đồ số 23)	500.000	1.500.000
3,2	Đường dân cư khu vực phía tây đường ĐH254 xóm 3	Nhà ông Dương Ngọc Khao Xóm 3 (từ thửa đất 07 tờ bản đồ 23)	Cuối xóm 3 nhà Ông Võ Văn Cương (đến thửa số 155, tờ bản đồ số 23)	500.000	1.500.000
3,3	Đường dân cư khu vực xóm 3	Nhà Bà Nguyễn Thị Thu Xóm 3 (từ thửa đất 113 tờ bản đồ 22)	Cuối xóm 3 nhà bà Cao Thị Độ (đến thửa số 193 , tờ bản đồ số 22)	500.000	1.500.000
3,4	Đường dân cư khu vực xóm 3	Nhà Ông Nguyễn Văn Giang Xóm 3 (từ thửa đất 48 tờ bản đồ 21)	Cuối xóm 3 nhà Ông Lưu Văn Thành (đến thửa số 71 , tờ bản đồ số 21)	500.000	1.500.000
3,5	Khu quy hoạch chia lô đất ở vị trí 01 xóm 3 Diễn Liên				
	Đường QH 16.5 m	Lô số: L 01 (thửa 725 tờ số 10)	Lô số: L02 (thửa 724 tờ số 10)	1.000.000	5.000.000
	Đường QH 16.5m	Lô số: L 03 (thửa 726 tờ số 10)	Lô số: L018 (Thửa 741 tờ số 10)	500.000	1.500.000
4	Xóm 4				
4,1	Đường dân cư khu vực xóm 4	Nhà Ông Nguyễn Văn Vọng Xóm 4 (từ thửa đất 04 tờ bản đồ 22)	Cuối xóm 4 nhà ông Lưu Văn Thuyên (đến thửa số 91 , tờ bản đồ số 22)	500.000	1.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá tư điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
4,2	Đường dân cư khu vực xóm 4	Nhà Ông Cao Huy Long Xóm 4 (từ thửa đất 04 tờ bản đồ 21)	Cuối xóm 4 nhà Ông Cao Thanh Hà (đến thửa số 97 , tờ bản đồ số 21)	500.000	1.500.000
4,3	Đường dân cư khu vực phía tây đường ĐH254 xóm 4	Nhà ông Cao Xuân Thịnh Xóm 4 (từ thửa đất 266 tờ bản đồ 19)	Cuối xóm 4 nhà Bà Dương Thị Thảo (đến thửa số 234 , tờ bản đồ số 19)	500.000	1.500.000
4,4	Đường dân cư khu vực phía đông đường ĐH254 xóm 4	Nhà Ông Nguyễn Văn Thích Xóm 4 (từ thửa đất 251 tờ bản đồ 19)	Cuối xóm 4 nhà Ông Cao Xuân Hồng (đến thửa số 335 , tờ bản đồ số 19)	500.000	1.500.000
4,5	Khu quy hoạch chia lô đất ở vị trí 02 xóm 4 Diễn Liên				
	Đường QH 16.5 m	Lô số: M01 (thửa 710 tờ số 10)	Lô số: M14 (thửa 723 Tờ số 10)	500.000	1.500.000
4,6	Khu quy hoạch chia lô đất ở vị trí 03 xóm 4 Diễn Liên				
	Đường QH 16.5m	Lô số: T01 (Thửa 539 tờ số 06)	Lô số: L015 (thửa 709 Tờ số 10)	500.000	1.500.000
5	Xóm 5				
5,1	Đường dân cư khu vực xóm 5	Nhà Ông Dương Văn Hiếu Xóm 5 (từ thửa đất 01 tờ bản đồ 20)	Cuối xóm 5 nhà ông Nguyễn Văn Thi (đến thửa số 96 , tờ bản đồ số 20)	300.000	1.000.000
6	Xóm 6				
6,1	Đường dân cư khu vực phía đông đường ĐH254 xóm 6	Nhà Bà Nguyễn Thị Hai Xóm 6 (từ thửa đất 108 tờ bản đồ 19)	Cuối xóm 6 nhà ông Phạm Quang Trung (đến thửa số 484 , tờ bản đồ số 19)	500.000	1.500.000
6,2	Đường dân cư khu vực phía Tây đường ĐH254 xóm 6	Nhà Ông Cao Xuân Mạnh Xóm 6 (từ thửa đất 74 tờ bản đồ 19)	Cuối xóm 6 nhà Ông Cao Xuân Triển (đến thửa số 265 , tờ bản đồ số 19)	500.000	1.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá tư điều chỉnh (đ/m ²)	
		Từ	Đến			
6,3	Đường dân cư Vùng Còn Bể Đầu	Nhà ông Cao Xuân Đồng (từ thửa đất 02 tờ bản đồ 16)	Cuối Ông Nguyễn Văn Tài (đến thửa số 46 , tờ bản đồ số 16)	300.000	1.000.000	
7	Xóm 7					
7,1	Đường dân cư khu vực phía đông đường ĐH254 xóm 7	Nhà Bà Trần Thị Diệu Xóm 7 (từ thửa đất 07 tờ bản đồ 19)	Cuối xóm 7 nhà ông Trần Xuân Cảnh (đến thửa số 113 , tờ bản đồ số 19)	500.000	1.500.000	
7,2	Đường dân cư khu vực phía Tây đường ĐH254 xóm 7	Nhà Ông Trần Văn Sơn Xóm 7 (từ thửa đất 02 tờ bản đồ 19)	Cuối xóm 7 nhà Ông Trần Ngọc Lương (đến thửa số 71 , tờ bản đồ số 19)	500.000	1.500.000	
7,3	Đường dân cư xóm 7	Nhà ông Trần Văn Lục (từ thửa đất 28 tờ bản đồ 17)	Cuối Ông Nguyễn Văn Quế (đến thửa số 74 , tờ bản đồ số 17)	500.000	1.500.000	
7,4	Đường dân cư khu vực phía tây đường ĐH254 xóm 7	Nhà Bà Nguyễn Thị Hương Xóm 7 (từ thửa đất 107 tờ bản đồ 18)	Cuối xóm 7 nhà ông Nguyễn Cảnh Phụng (đến thửa số 242 , tờ bản đồ số 8)	500.000	1.500.000	
7,5	Đường dân cư khu vực phía Đông đường ĐH254 xóm 7	Nhà Ông Chu Văn Thành (từ thửa đất 63 tờ bản đồ 18)	Cuối xóm 7 nhà Ông Nguyễn Văn Thích (đến thửa số 254 , tờ bản đồ số 18)	500.000	1.500.000	
8	Xóm 8					
8,1	Đường dân cư xóm 8	Nhà Bà Hồ Thị Sửu (từ thửa đất 76 tờ bản đồ 17)	Cuối Ông Hồ Văn Tá (đến thửa số 08 , tờ bản đồ số 17)	500.000	1.500.000	
8,1	Đường dân cư khu vực phía tây đường ĐH254 xóm 8	Nhà Ông Hồ Văn Hiếu Xóm 8 (từ thửa đất 107 tờ bản đồ 18)	Cuối xóm 8 nhà ông Phạm Văn Sơn (đến thửa số 45 , tờ bản đồ số 18)	500.000	1.500.000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá tư điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
8,3	Đường dân cư khu vực phía Đông đường ĐH254 xóm 8	Nhà Ông Võ Thế Tụy (từ thửa đất 387 tờ bản đồ 18)	Cuối xóm 8 nhà Ông Phạm Khắc Hòe (đến thửa số 75 , tờ bản đồ số 18)	500.000	1.500.000
8,4	Đường dân cư khu vực phía tây đường ĐH254 xóm 8	Nhà Ông Phạm Văn Thơm Xóm 8 (từ thửa đất 82 tờ bản đồ 15)	Cuối xóm 8 nhà ông Võ Kỳ Ty (đến thửa số 250 , tờ bản đồ số 15)	500.000	1.500.000
8,5	Đường dân cư khu vực phía Đông đường ĐH254 xóm 8	Nhà Ông Hồ Văn Cư (từ thửa đất 109 tờ bản đồ 15)	Cuối xóm 8 nhà Ông Hồ Đăng Chung (đến thửa số 255 , tờ bản đồ số 15)	500.000	1.500.000
8,1	Đường dân cư xóm 8	Nhà Bà Phạm Thị Tuyền (từ thửa đất 124 tờ bản đồ 14)	Cuối Ông Võ Ngọc Luân (đến thửa số 235 , tờ bản đồ số 14)	500.000	1.500.000
9	Xóm 9				
9,1	Đường dân cư xóm 8	Nhà Ông Phạm Văn Bày (từ thửa đất 02 tờ bản đồ 14)	Cuối Ông Phạm Văn Vy (đến thửa số 115 , tờ bản đồ số 14)	500.000	1.500.000
9,2	Đường dân cư khu vực phía tây đường ĐH254 xóm 8	Nhà Ông Võ Văn Hạnh Xóm 9 (từ thửa đất 27 tờ bản đồ 15)	Cuối xóm 9 nhà Hồ Thị Chinh (đến thửa số 84 , tờ bản đồ số 15)	500.000	1.500.000
9,3	Đường dân cư khu vực phía Đông đường ĐH254 xóm 9	Nhà Ông Võ Văn Hoàng (từ thửa đất 05 tờ bản đồ 15)	Cuối xóm 9 nhà Ông Hồ Xuân Hùng (đến thửa số 96 , tờ bản đồ số 15)	500.000	1.500.000
9,4	Đường dân cư xóm 9	Nhà Ông Võ Văn Thiện (từ thửa đất 166 tờ bản đồ 03)	Cuối Ông Võ Ngọc Liễu (đến thửa số 227 , tờ bản đồ số 03)	500.000	1.500.000
C	Các khu đất, thửa đất còn lại trên địa bàn xã đã được nhà nước cho thuê đất và đất ở của hộ gia đình, cá nhân có vị trí tương đương hoặc kém thuận lợi hơn so với vị trí có mức giá thấp nhất nêu trên				1.500.000